

QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ: THỰC TRẠNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH TẠI VIỆT NAM

● NGUYỄN THỊ KIM THOA

Trường Cao đẳng Công Thương TP. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích bối cảnh chính sách giai đoạn 2025-2026 và khảo sát thực tiễn quản lý thuế đối với hộ kinh doanh thương mại điện tử tại TP. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp tổng quan lý thuyết, phân tích chính sách và khảo sát 150 hộ kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy nhận thức pháp luật thuế, sự đơn giản của thủ tục thuế, mức độ ứng dụng công nghệ số và chất lượng hỗ trợ từ cơ quan thuế có tác động tích cực đến tuân thủ thuế; trong khi áp lực chi phí kinh doanh có tác động ngược chiều. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hộ kinh doanh trong điều kiện thương mại điện tử phát triển mạnh.

Từ khóa: hộ kinh doanh cá thể, quản lý thuế, thương mại điện tử, tuân thủ thuế, kinh tế số.

1. Đặt vấn đề

Hộ kinh doanh cá thể là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực bán lẻ, ăn uống, dịch vụ cá nhân, làm đẹp, thực phẩm, thời trang và kinh doanh trực tuyến. Với đặc điểm quy mô nhỏ, tính linh hoạt cao, khả năng thích ứng nhanh với thị trường và chi phí tổ chức thấp, khu vực hộ kinh doanh đóng góp đáng kể vào lưu thông hàng hóa, giải quyết việc làm và tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Trong nhiều năm, hộ kinh doanh vẫn là mô hình kinh doanh phổ biến nhất đối với cá nhân và hộ gia đình có nhu cầu khởi sự kinh doanh với quy mô nhỏ và vừa.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển nhanh của thương mại điện tử, mô hình kinh doanh

của hộ kinh doanh đã thay đổi đáng kể. Nhiều hộ không còn chỉ bán hàng trực tiếp tại cửa hàng mà đã mở rộng sang các kênh bán hàng trên Shopee, TikTok Shop, Facebook, Zalo, website riêng, ứng dụng giao hàng và nhiều nền tảng thanh toán điện tử khác. Xu hướng này giúp hộ kinh doanh giảm phụ thuộc vào mặt bằng vật lý, tiếp cận khách hàng rộng hơn, gia tăng doanh thu và tối ưu chi phí. Tuy nhiên, nó cũng làm nảy sinh nhiều thách thức đối với quản lý thuế, do doanh thu có thể phát sinh đồng thời trên nhiều nền tảng, nhiều tài khoản và nhiều hình thức thanh toán khác nhau.

Trong bối cảnh đó, công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh không còn chỉ là vấn đề thu đúng, thu đủ, mà còn gắn với yêu cầu xây dựng cơ chế quản lý

phù hợp với kinh tế số. Giai đoạn 2025-2026 ghi nhận nhiều thay đổi chính sách theo hướng minh bạch hóa doanh thu, tăng cường hóa đơn điện tử, kết nối dữ liệu và giảm dần tư duy quản lý theo hình thức ấn định truyền thống. Điều này đòi hỏi phải có những nghiên cứu vừa phản ánh thực trạng, vừa lý giải hành vi tuân thủ thuế của hộ kinh doanh, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với đặc điểm thương mại điện tử tại Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Trên thế giới, quản lý thuế trong nền kinh tế số được xem là một trong những nội dung cải cách trọng tâm của quản trị công hiện đại. OECD (2021) nhấn mạnh, cơ quan thuế cần chuyển mạnh từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản lý dựa trên dữ liệu giao dịch, kết nối nền tảng số và đánh giá rủi ro theo thời gian thực. Trong bối cảnh đó, nhóm đối tượng kinh doanh nhỏ, linh hoạt và phân tán như hộ kinh doanh hoặc sole proprietors được xem là nhóm có rủi ro thất thu thuế cao nếu không có cơ chế quản lý phù hợp.

Ở góc độ hành vi, Alm (2019) cho thấy, tuân thủ thuế không chỉ chịu tác động bởi mức phạt hay xác suất bị kiểm tra, mà còn phụ thuộc vào nhận thức pháp luật, mức độ đơn giản của hệ thống thuế, niềm tin vào cơ quan thuế và chi phí tuân thủ. Torgler (2022) bổ sung trong môi trường số, việc ứng dụng công nghệ có thể làm tăng tính minh bạch, giảm sai sót trong kê khai và thúc đẩy tuân thủ tự nguyện. Điều này đặc biệt phù hợp với nhóm hộ kinh doanh, vốn thường không có bộ phận kế toán chuyên trách và năng lực quản trị còn hạn chế.

Ở Việt Nam, các nghiên cứu liên quan đến thuế hộ kinh doanh và thương mại điện tử chủ yếu tập trung vào 3 hướng: (i) bất cập của cơ chế thuế khoán; (ii) khó khăn trong kiểm soát doanh thu của hoạt động kinh doanh online; và (iii) yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý thuế. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng doanh thu của hộ kinh doanh ngày càng khó xác định do phát sinh trên nhiều nền tảng, nhiều tài khoản, nhiều kênh vận chuyển và nhiều hình thức

thanh toán, trong khi thói quen lưu trữ chứng từ, hóa đơn và dữ liệu bán hàng còn hạn chế.

2.2. Khoảng trống nghiên cứu

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu liên quan, nhưng vẫn tồn tại một số khoảng trống đáng chú ý. Thứ nhất, còn thiếu các nghiên cứu tiếp cận đồng thời hộ kinh doanh cá thể và thương mại điện tử trong cùng một khung phân tích. Trên thực tế, phần lớn hoạt động kinh doanh online tại Việt Nam hiện nay lại đến từ cá nhân và hộ kinh doanh quy mô nhỏ, chứ không chỉ từ doanh nghiệp.

Thứ hai, các nghiên cứu trước chưa phản ánh đầy đủ bối cảnh thay đổi chính sách thuế giai đoạn 2025-2026, khi công tác quản lý thuế đang chuyển mạnh theo hướng minh bạch hóa doanh thu, hóa đơn điện tử và quản lý số. Thứ ba, còn thiếu các nghiên cứu thực chứng lượng hóa tác động của các yếu tố như nhận thức pháp luật thuế, sự đơn giản của thủ tục, ứng dụng công nghệ số, hỗ trợ từ cơ quan thuế và áp lực chi phí kinh doanh đến mức độ tuân thủ thuế của hộ kinh doanh.

Từ những khoảng trống trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm: (i) phân tích thực trạng quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trong bối cảnh thương mại điện tử tại Việt Nam; (ii) xác định các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tuân thủ thuế; và (iii) đề xuất hàm ý chính sách phù hợp với điều kiện kinh tế số hiện nay.

3. Cơ sở lý thuyết, giả thuyết và mô hình nghiên cứu

3.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở kết hợp 3 nền tảng lý thuyết chính gồm: Lý thuyết tuân thủ thuế (Tax Compliance Theory), Lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior - TPB) và Lý thuyết kinh tế ngầm (Informal Economy Theory).

Lý thuyết tuân thủ thuế cho rằng, hành vi thực hiện nghĩa vụ thuế chịu ảnh hưởng bởi nhận thức của người nộp thuế về lợi ích - chi phí của việc tuân thủ, mức độ bị kiểm tra, chế tài xử phạt và sự thuận tiện của hệ thống quản lý thuế. Đối với hộ kinh doanh thương mại điện tử, hành vi tuân thủ không chỉ phụ thuộc vào ý thức mà còn liên quan chặt chẽ đến khả

năng ghi nhận doanh thu, kiểm soát giao dịch và lưu trữ chứng từ trên môi trường số.

Theo TPB của Ajzen (1991), hành vi của cá nhân được hình thành từ ý định hành vi, trong đó ý định chịu ảnh hưởng bởi thái độ đối với hành vi, chuẩn chủ quan và nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi. Áp dụng vào nghiên cứu này, hộ kinh doanh sẽ có xu hướng tuân thủ thuế cao hơn nếu họ hiểu đúng nghĩa vụ thuế, cảm thấy thủ tục kê khai dễ thực hiện và có đủ năng lực để quản lý hoạt động kinh doanh.

Lý thuyết kinh tế ngầm giúp giải thích đặc điểm hoạt động ngoài khuôn khổ chính thức của khu vực hộ kinh doanh, nhất là trong bối cảnh thương mại điện tử. Nhiều giao dịch của hộ kinh doanh có thể phát sinh qua tài khoản cá nhân, ví điện tử, đơn hàng COD hoặc nền tảng trung gian mà không được ghi nhận đầy đủ. Điều này làm gia tăng rủi ro thất thu thuế nếu không có cơ chế quản lý phù hợp.

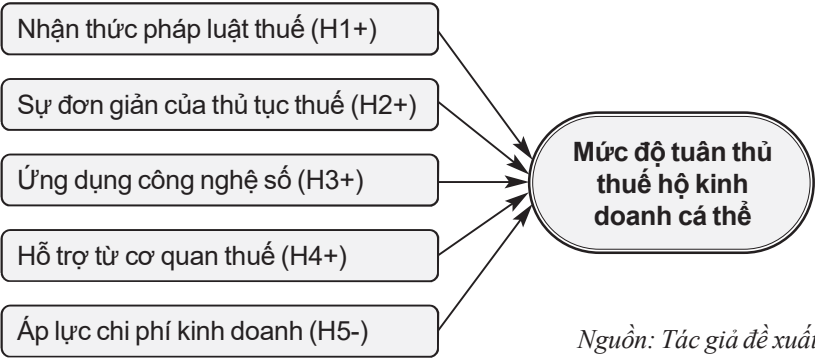
3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu, bài viết đề xuất 5 giả thuyết nghiên cứu: H1, nhận thức pháp luật thuế có tác động cùng chiều đến mức độ tuân thủ thuế; H2, sự đơn giản của thủ tục thuế có tác động cùng chiều; H3, mức độ ứng dụng công nghệ số có tác động cùng chiều; H4, chất lượng hỗ trợ từ cơ quan thuế có tác động cùng chiều; H5, áp lực chi phí kinh doanh có tác động ngược chiều đến mức độ tuân thủ thuế của hộ kinh doanh cá thể.

3.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Biến phụ thuộc của mô hình là mức độ tuân thủ thuế của hộ kinh doanh cá thể. Các biến độc lập gồm: nhận thức pháp luật thuế, sự đơn giản của thủ tục thuế, mức độ ứng dụng công nghệ số, chất lượng hỗ trợ từ cơ quan thuế và áp lực chi phí kinh doanh. Mô hình này phản ánh tương đối đầy đủ các yếu tố thuộc về nhận thức, thủ tục, công nghệ, hỗ trợ quản lý và áp lực tài chính có thể ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của hộ kinh doanh trong bối cảnh thương mại điện tử. (Hình 1)

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp hỗn hợp. Giai đoạn định tính được sử dụng để tổng hợp cơ sở lý thuyết, phân tích chính sách và xây dựng thang đo nghiên cứu. Giai đoạn định lượng được thực hiện nhằm kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu.

4.2. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát bảng hỏi đối với 150 hộ kinh doanh tại TP. Hồ Chí Minh - địa bàn có hoạt động thương mại điện tử phát triển mạnh. Mẫu khảo sát bao gồm các hộ kinh doanh bán hàng truyền thống có kết hợp bán online và các hộ kinh doanh chủ yếu hoạt động trên nền tảng số như Shopee, TikTok Shop, Facebook và Zalo. Thang đo được xây dựng theo thang Likert 5 mức, từ 1 = hoàn toàn không đồng ý đến 5 = hoàn toàn đồng ý.

4.3. Phương pháp phân tích dữ liệu

Dữ liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS thông qua các bước: kiểm định độ tin cậy thang đo bằng Cronbach's Alpha; phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm định giá trị hội tụ và giá trị phân biệt; hồi quy tuyến tính bội nhằm xác định mức độ tác động của các biến độc lập đến biến phụ thuộc. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến tuân thủ thuế của hộ kinh doanh trong môi trường thương mại điện tử.

5. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

5.1. Kết quả kiểm định thang đo

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy, tất cả các thang đo đều đạt yêu cầu, với hệ số Cronbach's Alpha

dao động từ 0,781 đến 0,874, phản ánh mức độ nhất quán nội tại tốt giữa các biến quan sát. Phân tích EFA cho thấy hệ số KMO đạt 0,842 và kiểm định Bartlett có Sig. = 0,000, chứng tỏ dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. 5 nhân tố độc lập được trích xuất đúng như mô hình đề xuất, với tổng phương sai trích đạt 68,4%, cho thấy mô hình có khả năng giải thích tương đối tốt.

5.2. Kết quả hồi quy

Kết quả hồi quy tuyến tính bội cho thấy, mô hình có ý nghĩa thống kê với Sig. = 0,000 và hệ số R² hiệu chỉnh đạt 0,612, nghĩa là 61,2% sự biến thiên của mức độ tuân thủ thuế được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình. Trong đó, Nhận thức pháp luật thuế có tác động mạnh nhất đến tuân thủ thuế (Beta = 0,312; Sig. = 0,000), tiếp theo là Mức độ ứng dụng công nghệ số (Beta = 0,284; Sig. = 0,001), Chất lượng hỗ trợ từ cơ quan thuế (Beta = 0,251; Sig. = 0,003) và Sự đơn giản của thủ tục thuế (Beta = 0,198; Sig. = 0,012). Áp lực chi phí kinh doanh có tác động ngược chiều (Beta = -0,176; Sig. = 0,021).

5.3. Thảo luận kết quả

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhận thức pháp luật thuế là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến tuân thủ thuế của hộ kinh doanh. Điều này phù hợp với thực tiễn khi nhiều hộ kinh doanh hiện nay vẫn chưa nắm rõ căn cứ tính thuế, thời điểm kê khai, nghĩa vụ hóa đơn và trách nhiệm lưu trữ chứng từ. Bên cạnh đó, mức độ ứng dụng công nghệ số cũng có tác động đáng kể, cho thấy những hộ sử dụng phần mềm bán hàng, công cụ quản lý đơn hàng và tài khoản thanh toán riêng thường có khả năng tuân thủ tốt hơn.

Kết quả cũng cho thấy, vai trò quan trọng của cơ quan thuế trong việc hỗ trợ, hướng dẫn và đơn giản hóa thủ tục. Khi thủ tục kê khai dễ hiểu, quy trình nộp thuế rõ ràng và có công cụ hỗ trợ thân thiện, hộ kinh doanh có xu hướng tuân thủ tốt hơn. Ngược lại, áp lực chi phí kinh doanh có thể làm suy giảm động lực tuân thủ, đặc biệt trong bối cảnh chi phí quảng cáo, phí sàn, phí vận chuyển và chi phí đầu vào tăng cao.

6. Bối cảnh chính sách và hàm ý thực tiễn năm 2026

Năm 2026 được xem là giai đoạn bản lề trong cải cách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh tại Việt Nam.

Trên phương diện chính sách, định hướng cải cách hiện nay tập trung vào minh bạch hóa doanh thu, giảm dần cơ chế thuế khoán, tăng cường hóa đơn điện tử và đẩy mạnh quản lý theo dữ liệu giao dịch thực tế. Điều này phù hợp với xu hướng phát triển của thương mại điện tử, khi hoạt động kinh doanh không còn gói gọn trong cửa hàng vật lý mà diễn ra trên nhiều nền tảng và nhiều kênh thanh toán khác nhau.

Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều hộ kinh doanh vẫn chưa sẵn sàng thích ứng với yêu cầu quản lý mới. Một bộ phận hộ kinh doanh chưa tách bạch tài khoản cá nhân và tài khoản kinh doanh, chưa có thói quen lưu trữ dữ liệu doanh thu - chi phí, chưa sử dụng hóa đơn điện tử hoặc phần mềm quản lý bán hàng. Điều này không chỉ gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc xác định doanh thu thực tế mà còn làm gia tăng rủi ro cho chính hộ kinh doanh khi bị đối chiếu dữ liệu hoặc kiểm tra thuế.

Trong bối cảnh đó, các điểm hộ kinh doanh cần đặc biệt lưu ý gồm: (i) tách biệt tài khoản cá nhân và tài khoản kinh doanh; (ii) lưu trữ dữ liệu đơn hàng, doanh thu, hoàn trả và chi phí trên từng nền tảng; (iii) chủ động sử dụng hóa đơn điện tử và phần mềm bán hàng; (iv) kê khai thuế đúng kỳ, đúng căn cứ; và (v) chuẩn bị cho việc quản lý theo doanh thu thực tế thay vì tư duy “thuế khoán ổn định” như trước. Đây là những nội dung có ý nghĩa quyết định đối với việc giảm rủi ro thuế và nâng cao khả năng thích ứng của hộ kinh doanh trong giai đoạn mới.

7. Hàm ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả quản lý thuế đối với hộ kinh doanh trong bối cảnh thương mại điện tử:

Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ chế kết nối dữ liệu giữa cơ quan thuế, sàn thương mại điện tử, ngân hàng và các đơn vị trung gian thanh toán để tăng khả năng đối chiếu doanh thu, nhận diện rủi ro thuế và giảm phụ thuộc vào phương pháp ấn định doanh thu truyền thống.

Thứ hai, cần thiết kế các công cụ hỗ trợ đơn giản, chi phí thấp và dễ sử dụng cho hộ kinh doanh, như phần mềm quản lý doanh thu, ứng dụng ghi nhận hóa

đơn, công kê khai trực tuyến thân thiện và tài liệu hướng dẫn theo tình huống thực tế.

Thứ ba, cơ quan thuế cần tăng cường truyền thông chính sách theo hướng dễ hiểu, dễ áp dụng và phù hợp với từng nhóm hộ kinh doanh, đặc biệt là nhóm kinh doanh online và nhóm chưa có nền tảng kế toán - thuế cơ bản.

Thứ tư, trong giai đoạn chuyển đổi, cần ưu tiên cơ chế hỗ trợ - cảnh báo - hướng dẫn trước khi tăng cường xử phạt, nhằm tạo điều kiện cho hộ kinh doanh thích nghi dần với yêu cầu minh bạch hóa doanh thu.

Thứ năm, cần khuyến khích các hộ kinh doanh có quy mô tăng trưởng tốt từng bước chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp để nâng cao tính chính thức, khả năng tiếp cận vốn, mở rộng thị trường và tuân thủ thuế bền vững hơn.

8. Kết luận

Bài viết cho thấy quản lý thuế đối với hộ kinh doanh cá thể trong bối cảnh thương mại điện tử tại Việt Nam đang bước vào giai đoạn thay đổi mạnh mẽ cả về tư duy quản lý lẫn công cụ thực thi. Trong môi trường số, hiệu quả quản lý thuế không chỉ phụ thuộc vào khung pháp lý mà còn gắn chặt với năng lực quản

trị của hộ kinh doanh, mức độ ứng dụng công nghệ và chất lượng hỗ trợ từ cơ quan thuế.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định việc nâng cao nhận thức pháp luật thuế, đơn giản hóa thủ tục, thúc đẩy ứng dụng công nghệ và giảm gánh nặng chi phí tuân thủ là các điều kiện quan trọng để tăng mức độ tuân thủ thuế của hộ kinh doanh. Đây cũng là cơ sở để hoàn thiện chính sách quản lý thuế phù hợp hơn với đặc điểm của thương mại điện tử và kinh tế số tại Việt Nam trong giai đoạn tới.

Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu khảo sát tại TP. Hồ Chí Minh nên mức độ khái quát cho toàn bộ hộ kinh doanh tại Việt Nam còn có giới hạn nhất định. Bên cạnh đó, bài viết mới tập trung vào các yếu tố quản lý và hành vi tuân thủ thuế, chưa đi sâu vào sự khác biệt giữa các ngành hàng hoặc giữa các nền tảng thương mại điện tử.

Trong các nghiên cứu tiếp theo, có thể mở rộng phạm vi khảo sát sang nhiều địa phương khác, so sánh giữa hộ kinh doanh truyền thống và hộ kinh doanh thuần online, hoặc ứng dụng mô hình SEM để kiểm định sâu hơn mối quan hệ giữa các biến trong bối cảnh quản lý thuế số ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tài liệu tiếng Việt:

Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân. Hà Nội, Việt Nam.

Bộ Tài chính. (2025). Tài liệu hướng dẫn quản lý thuế đối với cá nhân, hộ kinh doanh trong môi trường số. Hà Nội, Việt Nam.

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2025). Nghị định số 70/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định về hóa đơn, chứng từ. Hà Nội, Việt Nam.

Lê Thị Cúc. (2023). Quản lý thuế trong thương mại điện tử tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Tài chính, 8, 33-39.

Nguyễn Trung Dương. (2019). Chuyển đổi số trong quản lý thuế đối với hộ kinh doanh. Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn, 40, 77-84.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2025). Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15. Hà Nội, Việt Nam.

Tổng cục Thuế. (2025). Báo cáo tổng kết công tác quản lý thuế đối với hộ kinh doanh và thương mại điện tử. Hà Nội, Việt Nam.

Trần Minh Kha. (2025). Minh bạch doanh thu và tuân thủ thuế của hộ kinh doanh trong nền kinh tế số. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán, 6, 58-66.

Tài liệu tiếng nước ngoài:

Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.

Alm, J. (2019). What motivates tax compliance? *Journal of Economic Surveys*, 33(2), 353-388.

Bird, R., & Zolt, E. (2020). Technology and taxation in developing countries. Brighton, UK: ICTD Working Paper.

OECD. (2021). Tax administration 2021: Comparative information on OECD and other advanced and emerging economies. Paris, France: OECD Publishing.

Torgler, B. (2022). Tax morale and digital compliance in emerging economies. *Journal of Economic Behavior & Organization*, 196, 312-326.

Ngày nhận bài: 1/3/2026
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 15/3/2026
Ngày chấp nhận đăng bài: 30/3/2026

**TAX MANAGEMENT OF E-COMMERCE
ENTERPRISES IN VIETNAM:
CURRENT PRACTICES AND POLICY IMPLICATIONS**

● **NGUYEN THI KIM THOA**

Ho Chi Minh City College of Industry and Trade

ABSTRACT:

This study examines the policy environment for 2025–2026 and assesses the practice of tax management among e-commerce enterprises in Ho Chi Minh City. Employing a mixed-methods design, the research integrates a theoretical review, policy analysis, and a survey of 150 firms operating in the local market. The findings indicate that tax compliance is positively influenced by firms’ awareness of tax regulations, the simplicity and transparency of administrative procedures, the extent of digital technology adoption, and the quality of support provided by tax authorities, whereas cost pressures exert a negative effect. These results provide empirical evidence on the key determinants of tax compliance in the rapidly expanding e-commerce sector.

Keywords: individual business households, tax management, e-commerce, tax compliance, digital economy.